**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN VẬT LÍ 9**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 đ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2D | 3A | 4D | 5B | 6C | 7C | 8B | 9C | 10D |
| 11D | 12D | 13B | 14A | 15B | 16D | 17C | 18B | 19C | 20B |
| 21B | 22C | 23D | 24B | 25A | 26C | 27B | 28D | 29B | 30C |
| 31A | 32C | 33A | 34D | 35B | 36C | 37D | 38A | 39A | 40C |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****TRƯỜNG THCS HẬU GIANG** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I****MÔN: KHOA HỌC VẬT LÍ 9****NĂM HỌC: 2023 – 2024** |

**1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Vật lí lớp 9**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 1 khi kết thúc nội dung: Bài Sự nhiễm từ của sắt thép*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Trắc nghiệm.*

**- Cấu trúc:** Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung**  | **Đơn vị kiến thức** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chương I: Điện học** | Bài tập vận dụng định luật Ôm |  |  |  |  | 3 |  | 2 |  |  |  |  |
| Sự phụ thuộc điện trở vào chiều dài, tiết diện và vật liệu làm dây |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Công suất điện | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điện năng – Công của dòng điện | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Định luật Jun – Lenxơ | 3 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chương II: Điện từ học** | Nam châm vĩnh cửu – Từ trường | 5 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |
| Sự nhiễm từ của sắt thép - Nam châm điện |  |  | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | 16 | 0 | 12 | 0 | 8 | 0 | 4 | 0 | 40 | 0 | 10,00 |
| **Tỉ lệ** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  | **100%** |
| **Tổng điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** |  | **10,00** |

**b) Bản đặc tả :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **Mức độ** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Ý số) | TN(Câu số) |
| **1** | Định luật Ôm | **Vận dụng** | - Vận dụng được định luật Ôm cho đoạn mạch mắc nối tiếp gồm nhiều nhất 3 điện trở. | **0** | **2** | **0** | **33, 35** |
| - Vận dụng được định luật Ôm cho đoạn mạch mắc song song gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần. | **0** | **1** | **0** | **31** |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng được định luật Ôm cho đoạn mạch vừa mắc nối tiếp, vừa mắc song song gồm nhiều nhất ba điện trở. | **0** | **2** | **0** | **38, 40** |
| **2** | Điện trở dây dẫn | **Thông hiểu** | - Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với độ dài dây dẫn. | **0** | **1** | **0** | **18** |
| - Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với tiết diện của dây dẫn. | **0** | **1** | **0** | **22** |
| - Chất nào có điện trở suất càng nhỏ thì dẫn điện càng tốt | **0** | **1** | **0** | **28** |
| **3** | Công và công suất của dòng điện | **Nhận biết** | - Viết được công thức tính công suất điện | **0** | **3** | **0** | **1, 16, 14** |
| **Thông hiểu** | - Nêu được ý nghĩa của số vôn, số oát ghi trên dụng cụ điện | **0** | **3** | **0** | **17, 23, 26** |
| 4 | Điện năng | **Nhận biết** | - Viết được công thức tính điện năng tiêu thụ của một đoạn mạch | **0** | **3** | **0** | **3, 12, 15** |
| **Thông hiểu** | - Nêu được các ví dụ trong thực tế để chứng tỏ dòng điện có mang năng lượng | **0** | **2** | **0** | **19, 25** |
| - Chỉ ra được sự chuyển hoá các dạng năng lượng khi đèn điện, bếp điện, bàn là điện, nam châm điện, động cơ điện hoạt động. | **0** | **1** | **0** | **27** |
| 5 | Định luật Jun-Lenxo | **Nhận biết** | - Phát biểu và viết được hệ thức của định luật Jun – Len-xơ. | **0** | **3** | **0** | **2, 5, 9** |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được định luật Jun – Len-xơ để giải thích các hiện tượng đơn giản có liên quan. | **0** | **2** | **0** | **30, 36** |
| **4** | Nam châm vĩnh cửu – Từ trường | **Nhận biết** | - Xác định được các từ cực của kim nam châm  | **0** | **2** | **0** | **4, 13** |
| - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm. | **0** | **1** | **0** | **7** |
| - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính. | **0** | **1** | **0** | **6** |
| - Biết sử dụng được la bàn để tìm hướng địa lí. | **0** | **1** | **0** | **10** |
| **Thông hiểu** | - Xác định được tên các từ cực của một nam châm vĩnh cửu trên cơ sở biết các từ cực của một nam châm khác. | **0** | **1** | **0** | **21** |
| 5 | Từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua | **Nhận biết** | - Vẽ được đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua. | **0** | **1** | **0** | **8** |
| - Phát biểu được quy tắc nắm tay phải về chiều của đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua. | **0** | **1** | **0** | **11** |
| **Vận dụng** | - Vận dụng đ­ược quy tắc nắm tay phải để xác định chiều của đường sức từ trong lòng ống dây khi biết chiều dòng điện và ngược lại. | **0** | **2** | **0** | **29, 32** |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng đ­ược quy tắc nắm tay phải để xác định chiều của đường sức từ trong lòng ống dây khi biết chiều dòng điện và ngược lại. | **0** | **2** | **0** | **37,39** |
| 6 | Sự nhiễm từ của sắt thép - Nam châm điện | **Thông hiểu** | - Mô tả được cấu tạo của nam châm điện và nêu được lõi sắt có vai trò làm tăng tác dụng từ | **0** | **2** | **0** | **20, 24** |
| **Vận dụng** | - Giải thích được hoạt động của nam châm điện. | **0** | **1** | **0** | **34** |

**Câu 1:** Công thức P $=\frac{U^{2}}{R}$ dùng để tính đại lượng vật lí nào?

**A.** Điện năng tiêu thụ của đoạn mạch. **B.** Công của dòng điện sinh ra ở đoạn mạch.

**C.** Nhiệt lượng toả ra trong đoạn mạch. **D.** Công suất của đoạn mạch.

**Câu 2:** Theo định luật Jun – Len-xơ thì nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn và cường độ dòng điện qua dây dẫn có mối quan hệ như thế nào?

**A.** Nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện qua dây dẫn.

**B.** Nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn tỉ lệ nghịch với cường độ dòng điện qua dây dẫn.

**C.** Nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn tỉ lệ nghịch với bình phương cường độ dòng điện qua dây dẫn.

**D.** Nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện qua dây dẫn.

**Câu 3:** Công thức tính công của dòng điện sinh ra trong một đoạn mạch là

A =

P

t

**A.** A = U.I².t **B.** A = U.I.t **C.** A = U².I.t **D.**

**Câu 4:** Cho thanh nam châm thẳng như Hình 1. Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Đầu thanh nam châm được tô đen là cực âm.

Hình 1

**B.** Đầu thanh nam châm được tô đen là cực dương.

**C.** Đầu thanh nam châm được để trắng là cực Bắc.

**D.** Đầu thanh nam châm được để trắng là cực Nam.

**Câu 5:** Hệ thức nào sau đây là hệ thức định luật Jun – Len-xơ?

**A.** $Q=I^{2}.U.t$ **B.** $Q=I^{2}.R.t$ **C.** $Q=R^{2}.U.t$ **D.** $Q=I^{2}.R$

**Câu 6:** Mô tả nào sau đây chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính?

**A**. Đưa một nam châm vĩnh cửu lại gần miếng đồng. Ta thấy nam châm vĩnh cửu hút được miếng đồng nên nó có từ tính.

**B.** Đưa một nam châm vĩnh cửu lại gần miếng nhôm. Ta thấy nam châm vĩnh cửu hút được miếng nhôm nên nó có từ tính.

**C.** Đưa một nam châm vĩnh cửu lại gần miếng sắt. Ta thấy nam châm vĩnh cửu hút được miếng sắt nên nó có từ tính.

**D.** Đưa một nam châm vĩnh cửu lại gần miếng vàng. Ta thấy nam châm vĩnh cửu hút được miếng vàng nên nó có từ tính.

**Câu 7:** Đặt 2 nam châm lại gần nhau, lần lượt theo các trường hợp sau:

1. Để hai cực khác tên gần nhau.

2. Để hai cực Bắc gần nhau.

3. Để hai cực Nam gần nhau.

Trong các trường hợp trên, trường hợp nào hai nam châm đẩy nhau?

**A.** Trường hợp 1. **B.** Trường hợp 1 và 2.

**C.** Trường hợp 2 và 3. **D.** Trường hợp 3.

**Câu 8:** Đường sức từ bên ngoài ống dây có dòng điện chạy qua có hình dạng như thế nào?

**A.** Là những đường thẳng song song với nhau.

**B.** Giống với đường sức từ của thanh nam châm thẳng.

**C**. Là những đường tròn.

**D.** Giống với đường sức từ giữa hai từ cực của nam châm hình chữ U.

**Câu 9:** Cho hệ thức $Q=\frac{U^{2}.t}{R}$ , trong đó Q có đơn vị đo là

**A.** W. **B.** A. **C.** J. **D.** .

**Câu 10:** Đặt la bàn tại một vị trí cần xác định hướng, sau khi kim nam châm trong la bàn nằm theo hướng Bắc – Nam thì ta phải làm gì để có thể xác định được hướng cần tìm?

**A.** Ta xoay la bàn sao cho hướng Tây ghi trên mặt số trùng với cực Bắc của kim nam châm, hướng Đông ghi trên mặt số trùng với cực Nam của kim nam châm. Từ đó dựa vào mặt số ta sẽ xác định được hướng của vị trí cần xác định.

**B.** Ta xoay la bàn sao cho hướng Nam ghi trên mặt số trùng với cực Bắc của kim nam châm, hướng Bắc ghi trên mặt số trùng với cực Nam của kim nam châm. Từ đó dựa vào mặt số ta sẽ xác định được hướng của vị trí cần xác định.

**C.** Ta xoay la bàn sao cho hướng Đông ghi trên mặt số trùng với cực Bắc của kim nam châm, hướng Tây ghi trên mặt số trùng với cực Nam của kim nam châm. Từ đó dựa vào mặt số ta sẽ xác định được hướng của vị trí cần xác định.

**D.** Ta xoay la bàn sao cho hướng Bắc ghi trên mặt số trùng với cực Bắc của kim nam châm, hướng Nam ghi trên mặt số trùng với cực Nam của kim nam châm. Từ đó dựa vào mặt số ta sẽ xác định được hướng của vị trí cần xác định.

**Câu 11:** Theo qui tắc nắm tay phải thì chiều 4 ngón tay tương ứng với chiều

**A.** đường sức từ bên ngoài ống dây. **B.** đường sức từ trong lòng ống dây.

**C.** đường sức từ của ống dây. **D.** chiều dòng điện chạy qua các vòng dây.

**Câu 12:** Đơn vị nào không phải là đơn vị đo điện năng tiêu thụ của một đoạn mạch?

**A.** kWh. **B.** kJ. **C.** J. **D.** kW.

**Câu 13:** Khi để kim nam châm tự do, lúc đứng yên cực nào của kim nam châm luôn chỉ về hướng Bắc?

**A.** Cực Nam. **B.** Cực Bắc. **C.** Cực dương. **D.** Cực âm.

**Câu 14:** Cho hệ thức P = U.I, trong đó P là đại lượng vật lí nào, có đơn vị là gì?

**A.** P là công suất của đoạn mạch (W).

**B.** P là điện năng tiêu thụ của đoạn mạch (J).

**C.** P là công của dòng điện sinh ra ở đoạn mạch (W).

**D.** P là công của dòng điện sinh ra ở đoạn mạch (J).

**Câu 15:** Điện năng được đo bằng dụng cụ nào dưới đây?

**A.** Ampe kế. **B.** Công tơ điện. **C.** Vôn kế. **D.** Ôm kế.

**Câu 16:** Đơn vị nào sau đây không phải là đơn vị đo công suất?

**A.** W. **B.** kWh. **C.** mW. **D.** kW.

**Câu 17:** Trên nhiều dụng cụ trong gia đình thường có ghi 220 V và số oát (W). Số oát này là

**A.** công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi dụng cụ được sử dụng với hiệu điện thế nhỏ hơn 220 V.

**B.** công mà dòng điện sinh ra ở dụng cụ khi dụng cụ được sử dụng với hiệu điện thế là 220 V.

**C.** công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi nó được sử dụng với hiệu điện thế là 220 V.

**D.** điện năng mà dụng cụ tiêu thụ khi dụng cụ được sử dụng với hiệu điện thế là 220 V.

**Câu 18:** Hai dây dẫn bằng nhôm có cùng tiết diện, dây thứ nhất có điện trở R1 và chiều dài $l$1, dây thứ hai có điện trở R2 và chiều dài $l$2. Biết $l$1 = 4$l$2. Hãy so sánh điện trở R1 và R2.

**A.** R1 = $\frac{R\_{2}}{4}$. **B.** R2 = $\frac{R\_{1}}{4}$. **C.** R2 = 2R1. **D.** R1 = 2R2.

**Câu 19:** Dòng điện có năng lượng vì nó có thể thực hiện công trong dụng cụ nào dưới đây?

**A.** Bếp điện. **B.** Bàn ủi. **C.** Quạt điện. **D.** Ấm điện.

**Câu 20:** Nam châm điện có cấu tạo gồm

**A.** một ống dây quấn quanh một lõi thép. **B.** một ống dây quấn quanh một lõi sắt non.

**C.** một ống dây quấn quanh một lõi đồng. **D.** một ống dây quấn quanh một lõi nhôm.

**Câu 21:** Khi đặt 2 nam châm gần nhau thì thấy chúng có vị trí như Hình 2.

N

SS





A

Hình 2

Hãy xác định đầu A của nam châm bên trái là cực từ gì?

**A.** Cực Bắc (N). **B.** Cực Nam (S). **C.** Cực âm (-). **D.** Cực dương (+).

**Câu 22:** Hai dây dẫn bằng nhôm có cùng chiều dài, dây thứ nhất có điện trở R1 và tiết diện S1, dây thứ hai có điện trở R2 và tiết diện$ $S2. Biết S1 = 4S2. Hãy so sánh điện trở R1 và R2.

**A.** R1 = $\frac{R\_{2}}{2}$. **B.** R2 = $\frac{R\_{1}}{4}$. **C.** R2 = 4R1. **D.** R1 = 4R2.

**Câu 23:** Trên một quạt điện có ghi 220 V – 75 W, nhận định nào sau đây là đúng?

**A.** Hiệu điện thế giữa hai đầu quạt điện lớn hơn 220 V thì quạt điện hoạt động bình thường.

**B.** Hiệu điện thế giữa đầu quạt điện lớn hơn 220 V thì quạt điện hoạt động yếu hơn bình thường.

**C.** Hiệu điện thế giữa hai đầu quạt điện nhỏ hơn 220 V thì quạt điện hoạt động mạnh hơn bình thường.

**D.** Hiệu điện thế giữa hai đầu quạt điện bằng 220 V thì quạt điện hoạt động bình thường.

**Câu 24:** Vai trò của lõi sắt non trong nam châm điện là

**A.** giúp nam châm điện đẹp hơn. **B.** giúp tăng từ tính của nam châm điện.

**C.** giúp giảm giá thành của nam châm điện. **D.** giúp nam châm điện bền hơn.

**Câu 25:** Dòng điện có năng lượng vì nó có thể

**A.** cung cấp nhiệt cho nồi cơm điện.

**B.** thực hiện công ở bóng đèn Led.

**C.** cung cấp nhiệt và thực hiện công ở bóng đèn dây tóc.

**D.** thực hiện công ở bóng đèn compact.

**Câu 26:** Trên một ấm điện có ghi 220 V – 1 100 W. Nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu ấm điện là 230 V thì ấm điện hoạt động như thế nào?

**A.** Hoạt động bình thường. **B.** Hoạt động yếu hơn bình thường.

**C.** Hoạt động mạnh hơn bình thường. **D.** Không hoạt động.

**Câu 27:** Khi bóng đèn dây tóc hoạt động thì điện năng được chuyển hóa thành các dạng năng lượng nào?

**A.** Cơ năng và nhiệt năng. **B.** Nhiệt năng và quang năng.

**C.** Quang năng và động năng. **D.** Quang năng và cơ năng.

**Câu 28:** Có bốn dây dẫn với chiều dài và tiết diện như nhau. Dây 1 bằng bạc có điện trở suất $ρ$1 = 1,6.10-8 $Ωm$. Dây 2 bằng đồng có điện trở suất $ρ$2 = 1,7.10-8 $Ωm$. Dây 3 bằng nhôm có điện trở suất $ρ$3 = 2,8.10-8 $Ωm$. Dây 4 bằng nikêlin có điện trở suất $ρ$4 = 0,4.10-6 $Ωm$. Dây nào dẫn điện kém nhất?

**A.** Dây 1. **B.** Dây 3. **C.** Dây 2. **D.** Dây 4.

**Câu 29:** Cho ống dây AB có dòng điện chạy như Hình 3. Đầu A của ống dây là cực từ gì?

B

A

Hình 3

**A.** Cực Bắc. **B.** Cực Nam.

**C.** Cực dương. **D.** Cực âm.

**Câu 30:** Có hai loại lò sưởi điện: loại thứ nhất có ghi 220 V – 880 W và loại thứ hai có ghi 220 V – 1 000 W.Khi hoạt động bình thường, trong cùng một thời gian thì loại lò sưởi điện nào tỏa nhiệt nhiều hơn? Vì sao?

**A.** Loại thứ nhất. Vì công suất tỏa nhiệt ở loại thứ nhất lớn hơn.

**B.** Loại thứ nhất. Vì công suất tỏa nhiệt ở loại thứ nhất nhỏ hơn.

**C.** Loại thứ hai. Vì công suất tỏa nhiệt ở loại thứ hai lớn hơn.

**D.** Loại thứ hai. Vì hiệu điện thế giữa hai đầu lò sưởi ở loại thứ hai lớn hơn.

**Câu 31:** Cho mạch điện gồm 2 điện trở R1 và R2 mắc song song. Biết R1= 10 , R2= 15 , cường độ dòng điện qua mạch chính là 0,5 A. Cường độ dòng điện qua R2 là

A

B

Hình 4

**A.** 0,2 A. **B.** 0,3 A. **C.** 3 V. **D.** 12,5 V.

**Câu 32:** Cho đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua có chiều như Hình 4. Đầu A của ống dây nối với cực nào của nguồn điện?

**A.** Cực Bắc. **B.** Cực Nam.

**C.** Cực dương. **D.** Cực âm.

**Câu 33:** Một mạch điện gồm hai dây dẫn có điện trở R1= 12 và R2= 24  mắc nối tiếp. Hiệu điện thế giữa hai đầu R1 là 6 V. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch là

**A.** 18 V. **B.** 0,5 A. **C.** 4 V. **D.** 12 V.

**Câu 34:** Giải thích nào sau đây là đúng về hoạt động của nam châm điện?

**A.** Khi dòng điện chạy qua ống dây thì ống dây trở thành một nam châm, đồng thời lõi sắt non bị nhiễm từ và trở thành một nam châm. Khi ngắt điện thì chỉ có lõi sắt non mất từ tính và nam châm điện ngừng hoạt động.

**B.** Khi dòng điện chạy qua ống dây thì chỉ có ống dây trở thành nam châm. Khi ngắt điện thì ống dây mất từ tính và nam châm điện ngừng hoạt động.

**C.** Khi dòng điện chạy qua ống dây thì chỉ có lõi sắt non trở thành nam châm. Khi ngắt điện thì lõi sắt non mất từ tính và nam châm điện ngừng hoạt động.

**D.** Khi dòng điện chạy qua ống dây thì ống dây trở thành một nam châm, đồng thời lõi sắt non bị nhiễm từ và cũng trở thành một nam châm. Khi ngắt điện thì ống dây và lõi sắt non đều mất từ tính và nam châm điện ngừng hoạt động.

**Câu 35:** Cho hai điện trở R1, R2 mắc nối tiếp với nhau. Biết R1= 2.R2. Điện trở tương đương của đoạn mạch là 15 . Nếu đặt vào hai đầu đoạn mạch một hiệu điện thế 15 V thì hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở R2 là

**A.** 10 V. **B.** 5 V. **C.** 22,5 V. **D.** 2,5 V.

**Câu 36:** Một bếp điện có điện trở 40  được sử dụng với hiệu điện thế 220 V thì tỏa ra một nhiệt lượng là 1 452 000 J. Hỏi bếp điện này được sử dụng trong thời gian bao lâu?

**A.** 0,75 h. **B.** 6 600 s. **C.** 1 200 s. **D.** 36 300 s.

**Câu 37:** Khi mở khóa K thì thanh nam châm định hướng như Hình 5. Nếu đóng khóa K thì có hiện tượng gì xảy ra đối với thanh nam châm?

+

-

K

Hình 5

**A.** Thanh nam châm vẫn đứng ở vị trí cũ.

**B.** Ống dây và thanh nam châm lúc đầu hút nhau, lúc sau đẩy nhau.

**C.** Ống dây và thanh nam châm hút nhau.

**D.** Ống dây và hanh nam châm đẩy nhau.

**Câu 38:** Cho mạch điện gồm (R1 nối tiếp R2) song song R3. Trong đó hiệu điện thế giữa hai đầu R3 là 20 V, R1= 30 Ω, R2= 50 Ω và R3= 10 Ω. Cường độ dòng điện qua đoạn mạch là

**A.** 2,25 A. **B.** 0,25 A. **C.** 2 A. **D.** 0,22 A.

**Câu 39:** Thanh nam châm đặt trước một đầu ống dây có dòng điện chạy qua có vị trí như Hình 6. Hãy xác định đầu M của ống dây nối với cực nào của nguồn điện?

M

N

Hình 6

**A.** Cực dương. **B.** Cực Bắc.

**C.** Cực Nam. **D.** Cực âm.

**Câu 40:** Cho mạch điện gồm (R2 song song R3) nối tiếp với R1. Trong đó cường độ dòng điện qua R3 là 0,3 A, R1= 9 Ω, R2= 15 Ω và R3= 10 Ω. Cường độ dòng điện qua R1 và R2 lần lượt là

**A.** 0,2 A; 0,5 A. **B.** 0,2 A; 0,1 A.

**C.** 0,5 A; 0,2 A. **D.** 0,3 A; 0,3 A.